

Số: 03/2022/QĐST-DS

An Lão, ngày 07 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 05/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Bà Phan Thị L, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là chị Ninh Thị T và chị Trịnh Thị Khánh L (theo giấy ủy quyền số chứng thực 38/2022/CTCK ngày 28/3/2022 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn T).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị T, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Ao, thành phố Hải Phòng. Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Nguyễn Văn M (theo hợp đồng ủy quyền số 180/2022, quyền số 01/2021, TP/SCT/HĐ,GD ngày 19/5/2022 có chứng thực tại UBND xã Quang Trung).

+ Chị Trịnh Thị H, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Ông Nguyễn Văn M, bà Phan Thị L và bà Lê Thị T, chị Trịnh Thị H thỏa thuận: bà Phan Thị L được sử dụng phần diện tích đất tranh chấp tính từ mép rãnh thoát nước giáp Quốc lộ 10 đến hết chiều dài thửa đất là 17m²; giới hạn bởi các điểm 13, 15, 16, 17, 5A, 6, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 12, 13; bao gồm cả phần đất nằm trong hành lang lưới điện là 2,6m² (giới hạn bởi các điểm 15, 16,

26, 27, 28) và phần diện tích nằm trong chỉ giới quy hoạch hành lang giao thông là 5,8m².

Bà Phan Thị L được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền trên diện tích đất tranh chấp này.

Ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm phá dỡ phần mi mái tầng 02 nhà ông M (kích thước 17m x 0,4m = 6,8m²) và 02 mi cửa sổ tầng 1 (kích thước của 01 mi cửa sổ là 1,8m x 0,35m) để giao mặt bằng quyền sử dụng đất cho bà L.

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

2.2 Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết .

2.3 Về án phí:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn M và bà Phan Thị L đều phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn M nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn M là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên ông Nguyễn Văn M được miễn phần án phí dân sự sơ thẩm ông phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Nguyễn Văn M phải nộp thay cho bà Phan Thị L 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Định